

GENRE INTERACTION IN HO ANH THAI'S NOVELS

Tran Thi Nau¹ and Le Thi My Phuong^{*2}

¹*Faculty of Pedagogy, Can Tho University,
Can Tho city, Vietnam*

²*School of Social Sciences & Humanities,
Can Tho University, Can Tho city, Vietnam*

*Corresponding author: Le Thi My Phuong,
e-mail: phuongle20647@gmail.com

TƯƠNG TÁC THỂ LOẠI TRONG TIỂU THUYẾT CỦA HỒ ANH THÁI

Trần Thị Nau¹ và Lê Thị Mỹ Phương^{*2}

¹*Khoa Sư phạm, Trường Đại học Cần Thơ,
thành phố Cần Thơ, Việt Nam*

²*Khoa Khoa học Xã hội & Nhân văn, Trường
Đại học Cần Thơ, thành phố Cần Thơ, Việt Nam*

*Tác giả liên hệ: Lê Thị Mỹ Phương,
e-mail: phuongle20647@gmail.com

Received April 3, 2025.

Revised April 28, 2025.

Accepted June 18, 2025.

Ngày nhận bài: 3/4/2025.

Ngày sửa bài: 28/4/2025.

Ngày nhận đăng: 18/6/2025.

Abstract. Ho Anh Thai is a successful novelist whose artistic innovations include extensive experimentation with genre fusion. The incorporation of other literary genres into the novel and the interrelationship between them have formed new, dynamic, and multi-voiced wholes. This article surveys genre interaction in Ho Anh Thai's novels through several forms, such as folk tales, short stories, plays, and memoirs. By pointing out the manifestations of genre interaction in Ho Anh Thai's novels, the article contributes discoveries to the writer's novels—that is, the assimilation of the remaining values of folk literature; marking a promising process of artistic experimentation and contributing to shaping Ho Anh Thai's innovative thinking about novels in the generation of contemporary Vietnamese writers.

Keywords: genre interaction, Ho Anh Thai, novel.

Tóm tắt. Hồ Anh Thái là nhà văn thành công ở thể loại tiểu thuyết với nhiều cách tân nghệ thuật mới mẻ và sự dung hợp thể loại là một biểu hiện. Chính sự thâm nhập thể loại văn học khác vào tiểu thuyết và mối quan hệ tương tác giữa chúng, đã hợp thành những chỉnh thể mới, năng động và đa thanh. Bài viết tiến hành khảo sát tương tác thể loại trong tiểu thuyết của Hồ Anh Thái qua một số hình thức như: Truyện kể dân gian, truyện ngắn, kịch và kí. Bằng việc chỉ ra những biểu hiện của trạng thái tương tác thể loại trong tiểu thuyết Hồ Anh Thái, bài viết góp thêm phát hiện mới đối với tiểu thuyết của nhà văn – đó là sự tiếp biến những giá trị tồn đọng của văn học dân gian; đánh dấu quá trình thể nghiệm nghệ thuật đầy triển vọng. Góp phần định hình tư duy đổi mới tiểu thuyết của Hồ Anh Thái trong thế hệ nhà văn đương đại Việt Nam.

Từ khoá: tương tác thể loại, Hồ Anh Thái, tiểu thuyết.

1. Mở đầu

Văn học Việt Nam đổi mới/ đương đại biểu thị sự chuyển biến mang tính bước ngoặt trong tư tưởng và lối viết, đã dẫn đến biến động sâu sắc trên phương diện kết cấu thể loại. Tính chất không ổn định của thể loại đã sinh ra những chỉnh thể mới và hình thức lệch chuẩn của tiểu thuyết là minh chứng thuyết phục cho sự vận động không ngừng của đời sống thể loại. Tìm kiếm giá trị mới về thể loại trở thành tiêu chí quyết định khả năng nắm bắt những yêu cầu đổi mới trong đời sống văn học của chủ thể sáng tạo. Theo đó, sáng tác của nhà văn luôn có sự kết hợp hài hòa giữa

yếu tố truyền thống và cách tân. Tiểu thuyết Hồ Anh Thái với kết cấu mở thể hiện ý thức sáng tạo và khả năng thể nghiệm của nhà văn trong việc sử dụng chất liệu từ thể loại khác. Trên tinh thần đó, tiểu thuyết vừa được nhìn như một thể loại độc lập với đặc tính riêng biệt, vừa được hình dung như một chỉnh thể hiện tồn những vết tích của sự xâm lấn có chủ ý nghệ thuật.

Tương hợp thể loại hay phân tích về sự tương tác giữa các loại thể là vấn đề không hiếm gặp trong nghiên cứu văn học. Sáng tác của Hồ Anh Thái dưới lý thuyết tương tác thể loại được nhiều nhà nghiên cứu quan tâm, tìm hiểu. Thái Phan Vàng Anh trong “Tiểu thuyết Việt Nam đầu thế kỷ XXI từ góc nhìn hậu hiện đại” (2010) [1], đề cập *Đức Phật, nàng Savitri và tôi* của Hồ Anh Thái là tiểu thuyết có đan xen truyền thuyết, motif truyện cổ và phối ghép những huyền thoại. Tuy nhiên, bài viết chưa đưa ra lý giải thuyết phục cho luận điểm đặt ra. Trong “Sự khác biệt của yếu tố Liên văn bản trong sáng tác của Hồ Anh Thái và Haruki Murakami” (2017) [2], Trần Quang Hưng có sự phân tích chi tiết hơn về vấn đề xâm nhập thể loại trong tác phẩm của Hồ Anh Thái, cụ thể là dung nạp phóng sự, kí sự và tiểu phẩm hài. Qua đó, hình dung được sự đột phá vượt bậc trong lối viết của Hồ Anh Thái. Song, bài viết chưa trình bày được những giá trị của thể loại văn học dân gian. Lê Thị Mỹ Phương trong “Sáng tác của Hồ Anh Thái từ góc nhìn liên văn bản” (2025) [3], trình bày tương đối tường tận biểu hiện tương tác thể loại trong sáng tác của Hồ Anh Thái qua một số hình thức như: truyện cổ, truyền thuyết, truyện ngắn, tiểu thuyết và kí sự. Mặc dù vậy, phạm vi khảo sát của bài viết còn giới hạn. So với các nghiên cứu của Thái Phan Vàng Anh (2010), Trần Quang Hưng (2017) và Lê Thị Mỹ Phương (2025), nghiên cứu này sẽ cung cấp một cái nhìn mới và có hệ thống về việc sử dụng thể loại trong sáng tác của Hồ Anh Thái trong bối cảnh văn học Việt Nam đương đại.

2. Nội dung nghiên cứu

Tiến trình văn học luôn trong trạng thái biến đổi và sự vận động của thể loại là một biểu hiện. Từ nhận diện của các nhà hình thức Nga “thể loại mới nhất định phải có gốc gác từ thể loại cũ đã bị phân hóa” [4], đến quan niệm tương tác văn bản trong kiến trúc văn bản của Genette “sự hiện diện của một hoặc nhiều văn bản trong một văn bản và mối quan hệ giữa chúng” [1], đều có luận giải nhất định khi đề cập về sự kết nối giữa các thể loại và xem đó là thuộc tính của liên văn bản.

Nguyễn Thành Thi định nghĩa tương tác thể loại là “hiện tượng hai hay nhiều thể loại của một giai đoạn, một thời kì, một nền văn học, thuộc về một hay nhiều hệ thống thể loại, tác động, ảnh hưởng lẫn nhau, xâm nhập vào nhau, mô phỏng nhau... để cùng biến đổi hoặc hình thành thể loại mới” [5]. Những thể loại thoát tương có sự tách bạch và ràng buộc bởi quy luật loại hình, nhưng giữa chúng luôn vang vọng những tín hiệu chung, thậm chí còn tồn tại trong hình thức giao thoa, phối trộn. Mở rộng phạm vi về sự pha trộn thể loại, trong *Về xu hướng tương tác giữa thể loại giữa truyện ngắn và tiểu thuyết hiện đại* (2019), tác giả này bổ sung “sự tương tác này có thể xảy ra trên các loại quan hệ khác nhau (loại với loại, loại với thể, thể với thể, yếu tố với yếu tố)” [6]. Trong ý nghĩa đó, tương tác thể loại là quá trình thể hiện sự biến đổi nhất định của từng thể loại và chúng có khả năng phản ứng chòng chéo giữa các quan hệ loại, thể khác nhau.

Bản về đặc trưng tiểu thuyết, Bakhtin phát biểu: “Tiểu thuyết là thể loại văn chương duy nhất đang biến chuyển và chưa định hình. Nòng cốt thể loại của tiểu thuyết chưa hề rắn lại và chúng ta chưa thể dự đoán được hết những khả năng uyển chuyển của nó” [7]. Tiếp nối quan điểm của Bakhtin, Kundera kiến giải cụ thể hơn về tính năng động của tiểu thuyết: “sự sáp nhập những thể loại phi tiểu thuyết (truyện ngắn, phóng sự, thơ, tiểu luận, ...) vào tiểu thuyết” [8]. Chính sự cởi mở này, tiểu thuyết đã mời gọi, thu nạp vào nó những thể loại khác. Khi đứng ở vị trí trung tâm, tiểu thuyết đồng thời có khả năng chi phối và quyết định sự tồn tại của các thể loại còn lại: “lần át thể loại này, thu hút thể loại kia vào trong cấu trúc của mình, biện giải lại và sắp xếp lại trọng tâm cho chúng” [9]. Từ góc nhìn đó, tiểu thuyết mang vai trò kích hoạt tiến trình tương tác giữa các thể loại và luôn ở trạng thái chủ động trong việc định hình tổng thể của chính nó.

Khảo sát quá trình vận động của tiểu thuyết trong văn học Việt Nam đổi mới/ đương đại, dễ nhận ra khả năng biến hóa đa dạng của nó. Một số nhà nghiên cứu còn đặt ra những tên gọi cụ thể để nhận diện kết cấu của thể loại mới được hình thành, thay cho sự chỉ định chung là hợp thể giữa thể loại này và thể loại khác: tiểu thuyết – nhật kí, tiểu thuyết – thư, tiểu thuyết – phóng sự, tiểu thuyết – blog,... Trong ý nghĩa đó, ngay bản chất tên gọi đã thể hiện sự tan rã dạng thức ổn định, quy ước cũ của tiểu thuyết “trong hầu hết các tác phẩm (văn bản) hậu hiện đại... lẫn ranh của mọi thể loại (genre) bị xóa mờ” [10]. Đó là kết quả của sự nỗ lực định hình tính biến động của thể loại tiểu thuyết từ ý thức của người sáng tạo và khả năng phát hiện, định nghĩa những khoảng trống từ người tiếp nhận. Với chủ ý thoát li khuôn khổ của tiểu thuyết truyền thống, Hồ Anh Thái lắp ghép vào tiểu thuyết cuộc đối thoại với sự dung nạp của: Truyện kể dân gian, truyện ngắn, kịch và kí. Bài viết nghiên cứu ba tiểu thuyết chủ yếu của Hồ Anh Thái: *Đức Phật, nàng Savitri và tôi*, *SBC là sản bất chuột* và *Mười lẻ một đêm*. Trong phạm vi nghiên cứu này, người viết trước tiên dùng phương pháp phân tích tổng hợp, khái quát thành những luận điểm chính để nhận diện trạng thái tương tác thể loại trong tiểu thuyết của Hồ Anh Thái. Thứ hai, sử dụng phương pháp so sánh để đối chiếu cách thức và mức độ biểu hiện của sự thâm nhập thể loại cụ thể trên từng tác phẩm. Cuối cùng, vận dụng lí thuyết tương tác thể loại như một phương pháp nghiên cứu triển vọng, nhằm củng cố điểm mới từ sự thể nghiệm nghệ thuật của Hồ Anh Thái.

2.1. Truyện kể dân gian vào tiểu thuyết

Truyện kể dân gian là thể loại thuộc hệ thống văn học dân gian, đồng thời là dạng thức được vận dụng tối đa trong tiểu thuyết đổi mới/ đương đại. Sáng tác theo kiểu hợp thức thể loại này vào tiểu thuyết thường vay mượn cốt truyện, nhân vật đã có trong tiền bản để lồng ghép vào tiểu thuyết. Nói cách khác, người sáng tác thực hiện trích dẫn những hình mẫu của tác phẩm có trước (truyện kể) để bổ sung, phát triển chủ đề, đề tài, nhân vật,... cho tiểu thuyết. Trong tiểu thuyết của Hồ Anh Thái, hiện tượng dung nạp truyện kể dân gian vào tiểu thuyết hiện thị dưới ba dạng thức: truyện cổ, truyện thuyết và thần thoại. Kết quả nghiên cứu chỉ ra rằng việc dung hợp ba thể loại trên vào tiểu thuyết không chỉ làm phong phú thêm nội dung văn học, mà còn phản ánh sâu sắc những giá trị văn hóa truyền thống, đặc biệt là tác phẩm *Đức Phật, nàng Savitri và tôi*.

Truyện cổ. Dạng thức tiểu thuyết đan xen truyện cổ trong *Đức Phật, nàng Savitri và tôi* xuất hiện với tuần suất đều đặn và xoay quanh trục nhân vật. Khi thuyết minh về nhân vật Savitri, Hồ Anh Thái không gọi tả chân dung nàng bằng cách trần thuật thông thường, mà chêm xen vào đó câu chuyện về nguồn gốc tên gọi Savitri. Từ đó, mượn hình tượng đức hạnh và cuộc đời viên mãn của Savitri trong chuyện đời xưa để gián tiếp mô tả sự đối nghịch về hình tượng và số phận của Savitri – một nàng công chúa búng binh, đắm chìm trong dục lạc và vô cùng bất hạnh. Câu chuyện hưởng lạc của vua Pandu và lời nguyện đột tử liên kết với hình tượng đức vua – chồng của Savitri cũng đã chết ngay khi giao hoan với nàng. Trường hợp đặc biệt khi sử dụng kết cấu truyện cổ, đó là khoảng trống trong ý đồ của tác giả khi kiến tạo tác phẩm, nhằm tìm ra độc giả lí tưởng có khả năng phát hiện ra dụng ý đó. Hồ Anh Thái vận hành trò chơi ngôn ngữ với hình thức ám chỉ bằng câu chuyện lạc thú của Savitri và đức vua dưới hình thức đối thoại. Tình huống này hoàn toàn giống với motif truyện cổ trong kho tàng truyện cổ Ấn Độ. Nếu không sở hữu vốn tri thức nhất định, độc giả rất khó phát hiện ra sự thâm nhập của truyện cổ trong trường hợp này.

Truyện thuyết. Trong *Đức Phật, nàng Savitri và tôi*, sự dung nạp của truyện thuyết bộc lộ qua hình tượng nhân vật Savitri. Trong truyện thuyết về Nữ thần Đồng Trinh, cô gái được chọn làm nữ thần sống sẽ nhận được sự hậu thuẫn của thần linh và bản thân phải có năng lực hơn người. Savitri của Hồ Anh Thái được xây dựng hoàn toàn dựa vào hai đặc điểm trên. Nàng hiện lên với những nét khác lạ về lai lịch, phẩm chất, tài năng và cả sức mạnh “Thuộc đẳng cấp chuyên hành nghề vàng bạc. Theo đạo Phật, từ vi đặt ra toàn những điều tốt đẹp. Trên người có đầy đủ ba mươi hai quý tướng. Màu da, màu mắt, hàm răng, mái tóc, nốt ruồi, các huyệt” [11; 195]. Trong ý nghĩa hình tượng này, Savitri là hiện thân của nhân vật truyện thuyết, nàng có sứ mệnh lớn lao đối với cộng đồng, ban phước lành và che chở cho người dân Ấn Độ.

Trong tiểu thuyết, có chi tiết Savitri tiền kiếp đánh rơi chiếc khăn đỏ giữa lòng sông, đồng thời Savitri hậu kiếp nhờ vào chiếc khăn xếp đỏ mà trở thành nữ thần. Chi tiết này đã hợp thức hóa thân phận của Savitri, hai người chỉ là một. Savitri – một tên gọi nhưng đến hai bản thể, là một nhân vật kép: Savitri của tiền kiếp “nhân” và Savitri của hậu kiếp “thần”, hai kiếp ấy làm nên chỉnh thể của một nhân vật truyền thuyết, nửa người nửa thần. Câu chuyện truyền thuyết về nữ thần mang bản chất lưu truyền trong dân gian, vì nó vốn trở thành thước đo in sâu trong tâm thức cộng đồng. Nữ thần từ một người trần, dựa vào câu chuyện truyền thuyết mà được phong thánh, rồi sau khi phế truất lại trở về làm người thường. Lằn ranh giữa thần thánh và người phàm quá mong manh, suy cho cùng vẫn nằm trong sự luận giải và truyền tụng của người đời. Điều đó cho thấy, tính truyền miệng trong dân gian thấm đẫm trong tiểu thuyết của Hồ Anh Thái. Kết hợp với việc xây dựng thành công hình tượng nhân vật mang những đặc trưng của nhân vật truyền thuyết là căn cứ thuyết phục cho sự dung nạp truyền thuyết vào tiểu thuyết.

Thần thoại. Xét dưới góc độ thể loại văn học, thần thoại được E.M. Meletinski định nghĩa: “Thường người ta hiểu nó là truyện về các vị thần, các nhân vật được sùng bái hoặc có quan hệ nguồn gốc với các vị thần, về các thể hệ xuất hiện trong thời gian ban đầu, tham gia trực tiếp hoặc gián tiếp vào việc tạo lập nên những nhân tố của nó - thiên nhiên và văn hóa” [12]. Thần thoại là thể loại tự sự đầu tiên của loài người và nó phản ánh thế giới thông qua yếu tố “thần”. Trong tiểu thuyết, Hồ Anh Thái sử dụng triệt để truyện thần thoại để khắc họa bức tranh văn hóa Ấn Độ cổ đại. Công chúa Savitri dành cả đời theo đuổi hoàng tử Siddhattha là chủ đề triển khai xuyên suốt tiểu thuyết *Đức Phật, nàng Savitri và tôi*. Cùng với đó, nhà văn viện dẫn lại câu chuyện với nội dung là hành trình tìm kiếm tình yêu của thần Parvati dành cho thần Shiva. Truyện về hai vị thần được sử dụng trong trường hợp này là sự bổ sung, tiếp biến cho chủ đề tình yêu của Savitri đối với Siddhattha. Ấn Độ phảng phất màu huyền thoại với nhiều nghi lễ được biện giải thông qua câu chuyện về thần Ganesha. Nhà văn khéo léo lí giải tập tục cúng thần trong lễ cưới của người Ấn Độ qua hình tượng vị thần này “con cầu Ganesha ... cho đôi lứa hạnh phúc đời đời” [11; 111]. Nữ thần sông Hằng linh thiêng vào trang viết của Hồ Anh Thái vô cùng chân xác. Chân dung nữ thần được tái hiện với sức mạnh quyền năng và giàu lòng nhân ái nhằm mục đích giải mã cho sự xuất hiện của dòng sông và nét văn hóa tắm nước sông Hằng trong tâm thức người Ấn.

Trong tiểu thuyết Hồ Anh Thái, truyện kể dân gian có vai trò làm đầy ý nghĩa về thông điệp và tư tưởng của nhà văn trong việc mô phỏng, tái hiện trầm tích văn hóa sông động của Ấn Độ. Sự góp mặt của truyện cổ, thần thoại và truyền thuyết đều được tái hiện qua góc nhìn của Savitri – nhân vật của hơn 2500 trước. Theo đó, những trang viết ấy đậm đặc luồng tư tưởng, văn hóa cổ đại. Dùng cấu trúc truyện kể dân gian để lí giải suy nghĩ và tâm tư của một nhân vật sống thời cổ đại là lối tư duy thuyết phục của Hồ Anh Thái. Việc nảy sinh va chạm giữa thể loại này và tiểu thuyết còn mang ý nghĩa tiếp biến những giá trị tồn đọng từ hệ thống văn học dân gian vào hệ thống văn học viết nhằm khẳng định vị trí, vai trò của văn học dân gian trong dòng chảy văn học Việt Nam. Văn học dân gian vốn mang đặc trưng là văn học có tính truyền miệng, khó có thể hợp thức bằng kí hiệu ngôn ngữ, văn bản. Tuy nhiên, việc khái quát và thuật lại những ý nghĩa đó trên văn bản đã là sự nỗ lực đáng ghi nhận của Hồ Anh Thái.

2.2 Truyện ngắn và tiểu thuyết

Truyện ngắn và tiểu thuyết là hai thể loại tồn tại những điểm tương đồng và dị biệt. Lằn ranh giữa chúng đôi lúc rất mờ nhòe, bởi tiểu thuyết đương đại Việt Nam xuất hiện không ít những tiểu thuyết rất ngắn so với dung lượng tiểu thuyết truyền thống. Chưa kể, mỗi tiểu thuyết còn là sự cấu thành từ nhiều chương nhỏ lẻ (những chương này có thể là tiểu thuyết, nhưng cũng không loại trừ khả năng nó là truyện ngắn). Ở một số tác phẩm, khi tách rời mỗi chương khỏi chỉnh thể chung, chúng vẫn bảo toàn về mặt kết cấu lẫn nội dung – đây là biểu hiện của hầu hết tiểu thuyết sáng tác theo tinh thần Hậu hiện đại ở Việt Nam. Việc dùng kết cấu nhỏ của truyện ngắn đã tạo cho tiểu thuyết của Hồ Anh Thái một kết cấu đa tầng bậc; thao tác này tạo thuận lợi trong việc mở rộng phạm vi phản ánh, bao quát được nhiều vấn đề của con người và thời đại.

Nhận diện về tiểu thuyết, Hà Minh Đức trong *Lí luận văn học* đã đánh giá: “tự trong bản chất sáng tạo loại hình, tiểu thuyết là một thể loại có cấu trúc hết sức linh hoạt” [13]. Với thuộc tính căn bản này, truyện ngắn có khả năng đan xen vào kết cấu tiểu thuyết một cách trơn tru và mang lại hiệu ứng nghệ thuật nhất định. Tiểu thuyết *Đức Phật, nàng Savitri và tôi* được triển khai với một cấu trúc lạ bằng sự tích hợp từ ba góc nhìn. Người kể chuyện tường minh kể về cuộc đời Đức Phật; người nghiên cứu văn hóa cổ kể về lần gặp gỡ Savitri (Nữ thần Đồng Trinh) và công chúa Savitri kể về cuộc đời của mình. Khi tách tiểu thuyết thành ba phần riêng lẻ ứng với ba góc nhìn, chúng vẫn có thể tồn tại một cách độc lập và tái hiện được cuộc đời cô công chúa bị truy nã của xã hội cổ; cuộc đời của Đức Phật và chuyến du hành của Savitri hậu kiếp cùng Tôi. Mỗi chương còn được đặt tên gọi cụ thể: Đức Phật, Savitri, Tôi; tên của mỗi chương gộp lại đồng thời là nhan đề tiểu thuyết: *Đức Phật, nàng Savitri và Tôi*. Hiệu ứng này tạo cảm giác vừa được gắn chặt, vừa lại tách rời. Trong mỗi chương, nhà văn chia văn bản thành nhiều kết cấu nhỏ thể hiện sự kiện nổi bật về cuộc đời của từng nhân vật. Ở chương *Đức Phật* đầu tiên, hai sự kiện được nhắc đến: sự ra đời của Đức Phật “Hoàng tử mới chào đời thì hoàn toàn tỉnh táo” [11; 32] và Siddhattha (tức Đức Phật) lấy vợ “năm ấy hoàng tử Siddhattha mười sáu tuổi” [11; 41]. Với dung lượng ngắn, nhưng vẫn thể hiện được nội dung trọng yếu, người đọc hoàn toàn có khả năng tri nhận đầy đủ những thông tin đó mà không cần phải theo dõi sát sao nội dung trước hay sau nó.

Tiểu thuyết *Đức Phật, nữ chúa và điệp viên* thừa hưởng hoàn toàn kiểu kết cấu trên với hình thức đan xen nhiều giọng kể: Govinda; Samavati, Magandiya, Manju và người kể chuyện tường minh. Đặt trong mối tương quan với *Đức Phật, nàng Savitri và tôi*, những biểu hiện trong tiểu thuyết này rõ ràng đã có sự tiệm tiến. Hồ Anh Thái phát triển và tạo nhiều hơn điểm nhìn tích hợp với cấu trúc phân mảnh. Thao tác này làm tiểu thuyết rắn lại về hình thức và mở rộng về nội dung. Hàng loạt vấn đề lịch sử, tôn giáo, văn hóa, tình yêu, thù hận và buông bỏ,... được giải mã tường tận trải dài các chương và chúng vẫn tự do khi được bóc tách khỏi chính thể tiểu thuyết, trở thành những truyện ngắn khái quát trọn vẹn lát cắt về cuộc đời của từng nhân vật.

SBC là sản bắt chuột phát ra tín hiệu về tính chất truyện lồng truyện. Với kết cấu 11 chương, mỗi chương là một hiện trạng của đời sống với những cá nhân tha hóa điển hình: Giáo sư, Luật sư, cô Báo, Đại gia,... Chẳng hạn, *Ai ăn đất đừng đọc chương này* là những trang mô tả về nhân vật Cóp. Trong đó, dung chứa những văn bản nhỏ thuyết minh về các cột mốc trong đời nhân vật: tốt nghiệp trung cấp, cuộc sống ở rừng, cuộc sống ở thủ đô,... Tất cả làm nên cuộc đời đặc trưng của nhân vật Cóp. Khi gắn kết với những chương còn lại, tiểu thuyết hiện lên bức tranh hiện thực Việt Nam ngồn ngộn trong bối cảnh hội nhập. Xuyên suốt tiểu thuyết chỉ thấy một giọng kể của người kể tường minh, đóng vai trò trung gian mô tả và thuật lại từ đầu đến cuối. Người đọc vì thế rơi vào trạng thái trượt từ cuộc đời nhân vật này sang nhân vật khác. Mặc dù đã có sự biến tấu về cấu trúc truyện ngắn, nhưng lối diễn đạt của nhà văn còn đậm tư duy của tiểu thuyết truyền thống.

Trường hợp truyện ngắn của nhà văn sáng tác trước đó, về sau được trích dẫn nguyên xi từ hình thức đến nội dung vào một tiểu thuyết là kiểu xâm nhập truyện ngắn vào tiểu thuyết đặc biệt trong chuỗi sáng tác của Hồ Anh Thái. *Đến muộn* và *Kiếp người đi qua* là những truyện ngắn thể hiện cột mốc về cuộc đời Đức Phật. Chúng đồng thời là các mảnh ghép tái xuất hiện trong những chương *Đức Phật*, song hành cùng các chương còn lại lấp đầy hành trình giác ngộ của Đức Phật nói riêng và làm nên chính thể toàn diện cho tiểu thuyết *Đức Phật, nàng Savitri và tôi* nói chung. Sự tương tác này là hình thức kết nối liên văn bản từ truyện ngắn sang tiểu thuyết của nhà văn.

Thao tác phối trộn truyện ngắn vào tiểu thuyết làm cho cấu trúc tiểu thuyết trở nên linh hoạt. Với kết cấu phân mảnh, tiểu thuyết mang dung lượng tương đối như một truyện ngắn, nhưng sức chứa bên trong vô cùng đầy đặn, nhiều sự kiện, đa nhân vật,... Sự đổi mới tư duy của Hồ Anh Thái thể hiện ở việc vận dụng tác phẩm cũ kiến tạo vào tác phẩm mới dưới hình thức nguyên mẫu so với tiền bản. Hình thức lặp lại này là một sự sáng tạo, bởi truyện ngắn khi lồng ghép vào tiểu thuyết đã mang vai trò mới. Không chỉ gói gọn là một khoảnh khắc hay lát cắt, mà còn có nhiệm vụ chi phối hệ thống lớn hơn, làm đầy chính thể của cả tiểu thuyết về kết cấu lẫn nội dung.

2.3. Yếu tố kịch vào tiểu thuyết

Với bản chất tổng hợp, tiểu thuyết có khả năng tổng hợp phong cách nghệ thuật của thể loại văn học khác. Yếu tố kịch từ đó chồng lấn vào tiểu thuyết dưới những hình thái xung đột gay gắt, tiểu thuyết vì thế đậm tính cao trào của kịch. Tiểu thuyết của Hồ Anh Thái thể hiện tính chất của kịch đậm nét qua tình huống và nhân vật, đặc biệt diễn ra sôi nổi trong những cuộc đối thoại và độc thoại nội tâm. Hiệu quả của kịch biểu hiện trong việc đề cập đến những vấn đề lớn như văn hóa, tôn giáo,... Song còn phản ánh chân thực nhân cách và đạo đức của con người trong xã hội.

Khảo sát tiểu thuyết của Hồ Anh Thái, trạng thái xung đột dẫn đến bi kịch là biểu thức thường thấy. Trong *Đức Phật, nàng Savitri và tôi*, Ajatasatru hiểu lầm giết cha là một tích truyện nhà Phật được nhà văn thay đổi trật tự tuyến tính, chú trọng phân tích tâm lí thông qua màn đối chất giữa các nhân vật. Chính lối viết phá cách làm mạch truyện giàu tính kịch, thoát ly bản chất tự sự thông thường. Từ đó, nhận diện được chuyển biến rõ nét trong ý thức của Ajatasatru về hành động sai trái của mình. Công chúa Savitri bị ép gả cho vị vua già, khúc mắc ấy luôn ẩn chứa trong lòng nàng và sự dồn nén cùng cực được bùng phát là lúc nàng bị trói buộc thiếu sống. Khi Savitri ý thức được bản thân cần phải sống và quyết tâm giành lấy sự sống, tiểu thuyết đã thực sự đạt đến đoạn cao trào. Hành động của Savitri có ý nghĩa vượt khỏi định kiến lễ giáo, đả phá những luật lệ cướp đi quyền sống, quyền hạnh phúc của con người. Nhà văn tổ chức sự kiện có tính đậm dần và mức độ kịch tính tăng dần theo dòng tiểu thuyết thông qua hành động của nhân vật làm cho người đọc không thể rời khỏi diễn biến li kỳ, tính lôi cuốn của tiểu thuyết. Còn có dạng mâu thuẫn diễn ra bên trong nhân vật dưới hình thức độc thoại, tức là tiếng nói của nhân vật chỉ nói với chính mình. Nhân vật Tân (Trong sương hồng hiện ra), liên tục nảy sinh những ý nghĩ chồng chéo về sự thật bản thân hằng tôn thờ. Nhân vật Đông (Cõi người rung chuông tận thế), dẫn vật với mớ hỗn độn trong đầu về những cái chết liên tục của ba người bạn. Vận dụng cách thức khai thác chiều sâu tâm lí, nhân vật của Hồ Anh Thái luôn mang ý thức và động cơ nhất định. Từ xung đột chuyển sang hành động – chu trình có mở đầu, thắt nút, phát triển, cao trào và cởi nút “Hành động kịch không phải là những hành động đơn lẻ, ngắt quãng mà là một chuỗi hành động xoay quanh trục xung đột” [14]. Tiểu thuyết của Hồ Anh Thái đã đáp ứng được những yếu tố này, trong ý nghĩa đó tiểu thuyết của nhà văn thấm đậm tính chất của kịch.

Từ lí thuyết đối thoại của Bakhtin, tính chất carnival đã mở ra cho tiểu thuyết trạng thái kết nối đặc biệt. Bakhtin xem tiểu thuyết là nơi hội tụ những diễn viên tài năng, họ cùng nhau diễn trò trên một sân khấu với những lộn trái. *Mười lẻ một đêm* – sân khấu cuộc đời trong tiểu thuyết mà như cả cuộc đời của cuộc sống hiện thời. Họa sĩ Chuối Hột, Người đàn ông, Người đàn bà,... cùng nhau tham gia tấn trò đời. Mỗi người một màu sắc làm sân khấu trở nên rộn ràng “hài hước, tràn đầy chi tiết Carnival” [15; 351]. Chất hài kịch trong *SBC là sân bắt chuột* không còn là cái cười giễu cợt mà chuyển sang lắng đọng, sâu cay. Nhân vật Đại gia, Giáo sư, Luật sư,... mỗi người với một giai điệu khác nhau, nhưng tất cả đều có điểm chung là bao biện cho lối sống tha hóa của mình. Hồ Anh Thái là người viết kịch bản và đóng vai trò khán giả xem các diễn viên của mình diễn trò trên sân khấu. Chuyện được thuật lại từ ngôi thứ ba số ít, có lúc đan cài giọng của các nhân vật, thi thoảng lại có giọng ẩn náu của nhà văn, ngoi lên để bình luận, để làm sống động cho sân khấu đặc biệt của mình. Những câu chuyện đời, chuyện người giống như từng tiểu phẩm hài nhỏ lẻ, dung chứa trong một đời hài rộng lớn. Ở đó, bao nhiêu vấn nạn được nhồi nhét bên trong dung lượng của một tiểu thuyết. Sự cô đọng, súc tích cũng chính là một điểm mạnh của thể loại kịch mang lại cho tiểu thuyết của nhà văn.

Trong quá trình thể nghiệm nghệ thuật, Hồ Anh Thái còn thực hiện cuộc chơi thú vị với kịch. Chất kịch trong sáng tác của nhà văn là xung đột trung tâm của đời sống xã hội, ở tính tập trung cao độ của những vấn đề đạo đức, công lí. Hiện thực ngồn ngộn với bao mâu thuẫn chồng chất: cái thiện lẫn cái ác, cái tốt lẫn cái xấu, cái bi lẫn cái hài,... Trong sự vận động biện chứng ấy, đỉnh điểm của nó đạt đến cao trào – đó là xung đột kịch. Sức nổ của vấn đề và cách thức xây dựng, dẫn dắt nhân vật chính là hiệu quả trông thấy của thể loại kịch đối với tiểu thuyết Hồ Anh Thái.

2.4. Kí vào tiểu thuyết

Sự xuất hiện của thể kí góp phần làm cho tiểu thuyết của Hồ Anh Thái cân đối và hài hoà, thổi hồn vào tác phẩm với những cảm nhận chân thực và sống động. Trong *Đức Phật, nàng Savitri và tôi*, chất kí sự biểu lộ qua hành trình tìm về dấu chân Phật. Hồ Anh Thái đưa độc giả trở về nguồn gốc của Phật bắt nguồn từ cuộc gặp gỡ của Tôi và người hướng dẫn viên du lịch thân thiện – Savitri. Với vai trò là người kể chuyện dân gian, Savitri đưa anh ta tới mảnh đất quê hương Phật và những địa điểm dấu chân Phật đã từng đi qua: vườn Lumbini nơi Phật sinh ra, Boddhgaya nơi Phật giác ngộ, rừng sa la ở Kushinagar nơi Phật nhập Niết bàn,... Trong hành trình đó, từng lớp, từng mảng màu huyền thoại và hiện thực được bóc tách và dần hiện ra với nền văn minh văn hóa Ấn Độ. Hồ Anh Thái không bật mí chuyến du hành đó của chính mình, mà mượn một nhân vật khác (Tôi) kể lại cuộc hành trình ấy thay cho mình. Điều này làm chủ thể sáng tạo mờ nhòe, người tiếp nhận cảm tính rằng hành trình đó vừa là của tác giả, vừa là của nhân vật Tôi. Cuộc hành trình tìm về dấu chân Đức Phật của Tôi, nhà văn đồng thời nén độc giả vào chuyến đi ngược dòng lịch sử qua từng bước chân ấy. Vì lẽ đó, tác phẩm rõ ràng sở hữu hình hài của một tiểu thuyết, mà nghe thoát tưởng như ghi chép của một chuyến điền dã, một kí sự hành hương về xứ Phật.

Phóng sự là phương thức mang lại hiệu quả cao trong việc mô tả hiện trạng đương đại muôn mặt đời thường và bản chất sâu xa của nó. Văn phong báo chí hiện diện với tần suất nhất định trong chuỗi sáng tác của Hồ Anh Thái: *Mười lẻ một đêm*, *Cõi người rung chuông tận thế*, *Trong sương hồng hiện ra*,... Cách thức dẫn dắt vào câu chuyện tựa lời một phóng viên đang dẫn khán giả vào tin tức nóng “Có một người đàn ông và một người đàn bà bị nhốt trong căn hộ trên tầng sáu” [15; 7]. Dòng văn bản chứa địa điểm, con người và sự việc cụ thể, đáp ứng thông tin của một tin tức thời sự. Chân dung người ẩn danh trong tiểu thuyết có nét giống với đặc điểm của người viết phóng sự – nhân vật thường giấu mình để cho “con số, chi tiết, sự việc, nhân chứng lên tiếng” [14]. Thời gian, địa điểm, con người,... xuất hiện trong tiểu thuyết là những yếu tố đặc thù cần có cho một tin tức, đồng thời chính nhân vật ẩn danh đã là minh chứng xác thực biểu hiện dấu vết của thể loại kí nương náu trong mạch tiểu thuyết của Hồ Anh Thái. Nghiền ngẫm *SBC là săn bắt chuột* còn lầm tưởng Hồ Anh Thái là một cây bút phóng sự thực thụ bởi cách truyền tải vấn đề đặc biệt khách quan “chuột đang là điểm nóng trong thời sự” [16; 85]. Thông tin bày chuột khuấy đảo thế giới con người nghe có vẻ vô lí, nhưng khiến độc giả không thể nghỉ ngơi trước những gì đang diễn ra trong thực tại tiểu thuyết và thực tại đời sống. Hành động trả thù của chuột Trùm là hồi chuông cảnh tỉnh của nhà văn trước thực trạng xã hội đầy biến động, chẳng khác gì một tin tức khẩn cấp. Tính thời sự có chăng cũng chỉ được dàn dựng khéo léo qua những chi tiết này.

Khi lẫn ranh giữa những thể loại dần được thu hẹp, kí len lỏi vào cấu trúc tiểu thuyết khẳng định giá trị riêng của nó trong việc tạo ra phong thái mới cho tiểu thuyết. Với khả năng bám sát và phô bày hiện thực, kí càng định nghĩa được vai trò của nó khi góp phần đắc lực vào việc phản ánh vấn đề nóng hổi của thời đại. Kí sự và phóng sự là hai tiểu loại của kí, xuất hiện trong tiểu thuyết của Hồ Anh Thái với những đóng góp riêng, nhưng có điểm chung là đều kích hoạt sự hiểu kì và củng cố với độc giả niềm tin gần như tuyệt đối vào sự trung thực từ ngòi bút của tác giả.

3. Kết luận

Sự vận động giữa các thể loại là vấn đề trọng yếu, trở thành mục tiêu trong việc nỗ lực tìm kiếm những cách tân nghệ thuật của nhà văn. Sức sống của thể loại không chỉ là khả năng nó tồn tại theo dòng chảy văn học, mà hơn hết là cách nó đồng hành cùng những thể loại khác. Với sự tích hợp nhiều thể loại trong chính thể tiểu thuyết, Hồ Anh Thái một mặt cho thấy tính hàm súc, cô đọng của tiểu thuyết. Mặt khác, khai thác trạng thái “đối thoại” đặc biệt giữa các thể loại – sự phản ứng chông chéo ẩn dưới lớp ngôn ngữ. Tiểu thuyết của Hồ Anh Thái đã chứng minh tư duy đổi mới của nhà văn khi tiếp biến và hợp thức giá trị văn học dân gian (truyện cổ, truyền thuyết, thần thoại) và khả năng kết nối linh hoạt đa thể loại: truyện ngắn, kịch, phóng sự, kí sự trong một

tác phẩm văn học. Sự cởi mở của những thể loại này tạo cho chính bản thân chúng một vẻ ngoài mới với vai trò mới, góp phần không nhỏ trong việc truy tìm giá trị thực sự của tiểu thuyết Hồ Anh Thái. Đặc biệt là *Đức Phật, nàng Savitri và tôi*, tiểu thuyết được cấu thành bởi những tính chất từ bốn thể loại khác nhau. Việc làm ấy mở ra không gian vượt ra ngoài đường biên ở mối quan hệ loại, thể, hướng đến những yếu tố khác lớn hơn ngoài hệ thống thể loại. Từ đây, tiểu thuyết được hiển thị như một tiểu thuyết lịch sử, văn hóa, tôn giáo,... Đó là những giá trị bất tận mà tiểu thuyết của Hồ Anh Thái biểu hiện, thông qua sự dung nạp thể loại.

Nghiên cứu hiện tượng tương tác thể loại qua tiểu thuyết của Hồ Anh Thái đã khẳng định, tiểu thuyết của nhà văn không chỉ thể hiện sự thâm nhập bởi duy nhất một thể loại khác, mà có trường hợp hai hay nhiều thể loại khác nhau cùng tồn tại trong một chỉnh thể tiểu thuyết. Sự phản ứng giữa chúng còn là một hiện tượng đặc biệt thú vị và mang hiệu quả nghệ thuật nhất định khi tất cả cùng tồn tại hài hòa với thể loại tiểu thuyết thực hiện nhiệm vụ truyền tải những nội dung xoay quanh con người và xã hội. Điều đó khẳng định rằng, không chỉ riêng thể loại tiểu thuyết mới có khả năng mời gọi mọi thể loại, mà ngay trong bản chất loại hình những thể loại còn lại cũng có năng lực thu nạp nhiều thể loại khác ngoài nó. Trong ý nghĩa đó, nghiên cứu về sự dung hòa giữa các thể loại khác ngoài tiểu thuyết là một trong những hướng đi triển vọng và có ý nghĩa khoa học trong việc khai phóng giá trị tiềm tàng của một tác phẩm văn học.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] TPV Anh, (2010). *Tiểu thuyết Việt Nam đầu thế kỉ XXI từ góc nhìn Hậu hiện đại*. https://www.chungta.com/nd/tu-lieu-tra-uu/tieu_thuyet_viet_nam_dau_the_ki_xxi_goc_nhin_hau_hien_dai-4.html.
- [2] TQ Hưng, (2017). *Sự khác biệt của yếu tố Liên văn bản trong sáng tác của Hồ Anh Thái và Haruki Murakami*. <https://daihoctantrao.edu.vn/nckh-htqt/su-khac-biet-cua-yeu-to-lien-van-ban-trong-sang-tac-cua-ho-anh-thai-va-haruki-murakami-1079.html>
- [3] LTM Phương, (2025). “Sáng tác của Hồ Anh Thái từ góc nhìn liên văn bản”. *Tạp chí khoa học, Đại học Đồng Tháp*, 6, 106–120.
- [4] NV Thuấn, (2019). *Giáo trình Lí thuyết liên văn bản*. NXB Đại học Huế, Thừa Thiên Huế, 21.
- [5] NT Thi, (2010). *Văn học thế giới mở*. NXB Trẻ, TP. Hồ Chí Minh, 49.
- [6] NT Thi, (2019). Về xu hướng tương tác giữa thể loại giữa truyện ngắn và tiểu thuyết hiện đại, *Tạp chí khoa học, Đại học Văn Hiến*, 4, 11–16.
- [7] Bakhtin M, (1992). *Lí luận và thi pháp tiểu thuyết* (Phạm Vĩnh Cư dịch). Trường viết văn Nguyễn Du.
- [8] Kundera M, (2001). *Nghệ thuật tiểu thuyết* (Nguyễn Ngọc dịch). NXB Văn hóa Thông tin.
- [9] DT Ảnh, (2005). “Quan niệm thực tại và con người trong văn học hậu hiện đại”, *Tạp chí nghiên cứu văn học*, 8, 55.
- [10] NM Quân, (2001). Liên văn bản – sự triển hạn đến vô cùng của các tác phẩm văn học. <http://www.khoavanhoc-ngonngu.edu.vn/gioi-thieu/nhan-su/cac-nha-nghien-cuu-cong-tac-voi-cac-khoa/1761-lien-vn-bn-s-trin-hn-n-vo-cung-ca-tac-phm-vn-hc.html>
- [11] HA Thái, (2007). *Đức Phật, nàng Savitri và tôi*. NXB Đà Nẵng.
- [12] Meletinski, (1991). *Từ điển thần thoại* (Bùi Mạnh Nhị dịch). NXB Bách khoa Xô Viết, 653.
- [13] HM Đức, (2006). *Lí luận văn học*. NXB Văn học, Hà Nội, 191–205.
- [14] LH Thu, (2002). “Sự vận động của các thể loại trong văn học thời kỳ đổi mới”. *Tạp chí Khoa học, Đại học Quốc gia Hà Nội*, 17-27.
- [15] HA Thái, (2009). *Mười lẻ một đêm*. NXB Lao động, Hà Nội.
- [16] HA Thái, (2013). *SBC là sản bắt chuột*. NXB Trẻ, TP. Hồ Chí Minh.